

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ – ST

Ngày 16/4/2025.

V/v: Ly hôn, con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao

2. Ông Hoàng Việt Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 714/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Tường V, sinh năm 1996

Địa chỉ: B Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà G, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Hoàng Thị Tường V trình bày: Tôi và anh Trần Minh P có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 23/4/2019, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hôn nhân hai vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay hai vợ chồng tôi đã sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân chúng tôi không còn tình cảm với

nhau, do đó không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho tôi được ly hôn với anh Trần Minh P.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung tên là Trần Hoàng An T, sinh ngày 04/4/2019. Sau khi ly thân tôi là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng An T đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Yêu cầu anh Trần Minh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Minh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Tường V.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hoàng Thị Tường V được ly hôn với anh Trần Minh P.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Hoàng An T, sinh ngày 04/4/2019 cho chị Hoàng Thị Tường V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Trần Minh P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Trần Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng An T, sinh ngày 04/4/2019 với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về

hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Trần Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trần Minh P tại phiên tòa: anh P đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh Trần Minh P.

[3]. Về nội dung: Giữa chị Hoàng Thị Tường V và anh Trần Minh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2019, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Tường V xác định hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh Trần Minh P. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Hoàng An T, sinh ngày 24/4/2019, sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và đề nghị anh P cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

3.1. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị V và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án chị V đều có xác nhận trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa chị V và anh P có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Tường V đối với anh Trần Minh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị Hoàng Thị T1 V và anh Trần Minh P có 01 con chung là cháu Trần Hoàng An T, sinh ngày 24/4/2019. Nguyện vọng của chị V sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, sau khi ly thân cho đến nay cháu T đều do chị Hoàng Thị Tường V là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh

ảnh hưởng đến tâm lý cho của cháu, nên cần giao cháu Trần Hoàng An T, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Hoàng Thị Tường V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Trần Minh P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Tường V yêu cầu anh Trần Minh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy đây là chi phí thực tế để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng An T, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và buộc ông Trần Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Hoàng An T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trần Hoàng An T đến tuổi trưởng thành. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

3.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Hoàng Thị Tường V đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013401 ngày 20/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Tường V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Tường V được ly hôn với anh Trần Minh P.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng An T, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Hoàng Thị Tường V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Trần Minh P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc ông Trần Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Hoàng An T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trần Hoàng An T đến tuổi trưởng thành. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

1.4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Hoàng Thị Tường V đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013401 ngày 20/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl